

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DS-ST
Ngày 17-12 - 2018
“V/v: T/c chấp hợp đồng tín
dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Thanh

2. Ông Lê Văn Vững

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bạch Nga – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự đã thụ lý số: 01/2016/DS-ST, ngày 13 tháng 10 năm 2016, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 175/2018/QĐST - DS, ngày 30 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: Đường B, phường T, quận H, Hà Nội.

Đại diện: ông Phan Duy C - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng A.

Ủy quyền ông Huỳnh Hoàng D – chức vụ: Trưởng phòng khách hàng bán lẻ - Ngân hàng A – Chi nhánh Đồng Tháp.

Theo Văn bản ủy quyền số: 86/UQ -VCB.PC ngày 08/3/2017.

ĐC chi nhánh: Số 66, đường E, phường K, thành phố L, ĐT.

- Bị đơn: Nguyễn Văn H– Chủ DNTN Q

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện T, Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2. Nguyễn Thị N, sinh năm 1963

3. Nguyễn Duy B, sinh năm 1983

4. Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1987

5. Nguyễn Thái K, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện T, Đồng Tháp.

Anh D, bà N có mặt tại phiên tòa.

Ông H, anh B, anh K và chị G vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ngân hàng A – Chi nhánh Đồng Tháp có anh D đại diện trình bày: (sau đây gọi tắt là Ngân hàng):

Vào ngày 20 tháng 5 năm 2008, ông Nguyễn Văn H đã ký hợp đồng tín dụng số 111/2008/NHNT – ĐT/HM với Ngân hàng, để vay số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 1,4%/tháng, mục đích vay để đầu tư phân xưởng xử lý rác và tái chế nhựa Plastic.

Vào ngày 12 tháng 9 năm 2008, ông Nguyễn Văn H ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 155/2008/HĐ với Ngân hàng để vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay tối đa 06 tháng/giấy nhận nợ, mục đích bổ sung vốn lưu động thanh toán các chi phí sản xuất kinh doanh.

Vào ngày 01 tháng 12 năm 2009, ông Nguyễn Văn H đã ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 188/2009/HĐ với Ngân hàng để vay số tiền 500.000.000 đồng thời hạn vay tối đa 06 tháng/giấy nhận nợ, mục đích bổ sung vốn lưu động thanh toán các chi phí sản xuất kinh doanh.

Để được vay số tiền trên ông H thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ máy móc theo hóa đơn GTGT 0066188 ngày 08/9/2008, Hóa đơn bán hàng số 0001574 ngày 30/6/2008 tại số 915A, ấp M, xã N, huyện T, Đồng Tháp. Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình số 878723006400201, hồ sơ gốc số 58/QĐ – UBND, do UBND huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 11/8/2008; Giấy chứng nhận quyền sử dụng số AL 810712, do UBND huyện T cấp ngày 09/11/2008; giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 878723006400303 do UBND huyện T cấp ngày 11/11/2008.

Sau khi vay được tiền, ông H không thực hiện nghĩa vụ trả vốn và lãi cho Ngân hàng nên chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng làm đơn khởi kiện thì được biết ông H đã bỏ địa phương đi từ năm 2013 không rõ đi đâu và làm gì (có xác nhận của Công an xã M ngày 24/4/2018).

Ngân hàng nhiều lần tìm đến nhà ông H để yêu cầu xử lý nợ, nhưng không làm việc được. Để đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu Thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với ông Nguyễn Văn H sinh năm 1957, chủ Doanh nghiệp tư nhân Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị N sinh năm 1963, Nguyễn Duy B sinh năm 1983, Nguyễn Thị Hồng G sinh năm 1987 và Nguyễn Thái K sinh năm 1992 có đăng ký hộ khẩu

thường trú tại ấp M, xã N, huyện T, Đồng Tháp trên phương tiện thông tin đại chúng để làm căn cứ giải quyết các hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp sau này.

Sau khi thực hiện các thủ tục tìm kiếm nhưng ông H, chị G và anh K vẫn không về. Nay, Ngân hàng yêu cầu ông H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả gốc 1.800.000.000đ theo các hợp đồng tín dụng số số 111/2008/NHNT – ĐT/HM ngày 20/5/2008, HĐTD số 155 ngày 12/9/2008, HĐTD số 188 ngày 01/12/2009 tiền lãi tạm tính đến ngày 07/8/2016 là 2.220.683.177đ, lãi quá hạn 657.741.804đ.

Ngày 05/7/2017, Ngân hàng khởi kiện bổ sung yêu cầu ông H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trả tiền lãi phát sinh đến ngày 12/6/2017 là 263.241.000đ. Như vậy, Ngân hàng yêu cầu gốc 1.800.000.000đ, lãi 3.159.665.981, tổng cộng 4.959.665.981đ, yêu cầu lãi phát sinh đến khi trả nợ xong và xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo cho Ngân hàng thu hồi nợ.

- Bà Nguyễn Thị N trình bày: Thừa nhận vào năm 2008, ông H chồng của bà có thể chấp tài sản để vay số tiền 2.000.000.000đ mục đích mở phân xưởng xử lý rác và tái chế nhựa Plastic, do mới thành lập chưa có kinh nghiệm, làm không hiệu quả dẫn đến thua lỗ, nợ nần. Bà có ký tên vào hợp đồng vay và thế chấp tài sản, còn việc đóng lãi, trả gốc là do ông H tự trả. Sau khi làm ăn thất bại, ông H đã bỏ địa phương đi từ năm 2009, không liên lạc về nhà bà không biết ông H đi đâu làm gì. Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà và gia đình trả gốc 1.800.000.000đ và lãi 3.159.665.981đ. Bà đồng ý trả trong khoảng tài sản đã thế chấp, xin Ngân hàng giảm bớt phần lãi vì hiện nay gia đình bà gặp nhiều khó khăn về kinh tế.

- Anh Nguyễn Duy B được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng anh B không đến để tham dự phiên tòa.

- Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ và tiến hành thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Anh Nguyễn Hoàng D đại diện Ngân hàng A – Chi nhánh Đồng Tháp và bà Nguyệt chấp hành đúng quy định của pháp luật. Riêng anh B vắng mặt là chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Quan điểm đề xuất: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A – Chi nhánh Đồng Tháp đối với số tiền gốc 1.800.000.000đ, lãi trong hạn 2.119.629.441, lãi quá hạn 812.479.859đ và lãi phát sinh đến khi trả nợ xong. Đình chỉ một phần yêu cầu của Ngân hàng đối với tiền lãi 227.556.681đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát huyện Tháp Mười, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 18/8/2016 và các chứng khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, anh Nguyễn Duy B được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh B, vì việc vắng mặt của anh B không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, anh D yêu cầu ông H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả cho Ngân hàng các khoản vay sau:

- Hợp đồng tín dụng trung hạn số 111/2008/NTĐT/TH, ngày 20/5/2008, vay 2.000.000.000đ, trả được 600.000.000đ, còn nợ gốc 1.400.000.000đ, đến thời điểm ngày 16/12/2018 lãi trong hạn là 619.542.638đ, tổng cộng lãi là: 1.720.588.332đ. Để vay số tiền này, ông H, bà N, anh B, anh K và chị G ký hợp đồng thế chấp số 231/TC/NT-ĐT, 232/TC/NT-ĐT cùng ngày 20/5/2008.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 155/2008/NTĐT-HM, ngày 12/9/2008, vay 500.000.000đ, rút lần đầu 300.000.000đ, đến ngày 16/12/2018 lãi trong hạn là 299.280.833đ, lãi quá hạn 145.790.416đ, tổng cộng lãi là: 445.071.249đ. Để vay số tiền này ông H ký hợp đồng thế chấp số 301/TC/NT – ĐT ngày 12/9/2008.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 188/2008/NTĐT – HM, ngày 01/12/2009 vay 500.000.000đ, rút lần đầu 100.000.000đ, đến ngày 16/12/2018 lãi trong hạn là 99.760.000đ, lãi quá hạn 47.146.805, tổng cộng lãi là 246.907.081đ.

Sau khi vay được tiền, ông H không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi và trả gốc cho Ngân hàng như thỏa thuận, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hg và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả gốc và lãi cho Ngân hàng.

Xét hợp đồng vay giữa Ngân hàng A – Chi nhánh Đồng Tháp với và ông Nguyễn Văn H, chủ DNTN Q và bà N, anh B, anh K và chị G là hợp pháp, thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, lúc giao kết hợp đồng hai bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Nhưng quá trình thực hiện hợp đồng ông H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa trả đầy đủ gốc, lãi cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, được quy định tại Điều 290 và Điều 474 Bộ luật dân sự 2005.

Theo Điều 290 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:

“ 1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận.

2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc”

Tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:

1. “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Tại phiên tòa, anh D đại diện Ngân hàng yêu cầu ông H, chủ Doanh nghiệp tư nhân Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N, anh B, chị G và anh K trả số tiền gốc 1.800.000.000đ và lãi trong hạn 2.119.629.441, lãi quá hạn 812.479.859đ, tổng cộng: 4.732.109.300đ, số tiền lãi còn lại 227.556.681đ anh xin rút yêu cầu. Xét việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Ngân hàng yêu cầu Thông báo tìm kiếm vắng mặt nơi cư trú đối với ông H, chị G, anh B nhưng đến nay ông H, chị G và anh K vẫn không về Tòa án để giải quyết hợp đồng tín dụng này. Do đó, căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định, ông H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có vay của Ngân hàng tổng nợ gốc 1.800.000.000đ và lãi 2.932.109.000đ, đến nay vẫn chưa thanh toán.

Tại phiên tòa, bà N trình bày: Thừa nhận vào năm 2008, ông H chồng của bà có thể chấp tài sản, có vay số tiền 2.000.000.000đ, mục đích vay, lãi suất vay, thời hạn vay như Ngân hàng đã trình bày. Nhưng do làm ăn thất bại, dẫn đến nợ nần ông H đã bỏ địa phương đi từ năm 2009, không liên lạc về nhà bà không biết ông H đi đâu làm gì. Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà và gia đình trả tổng nợ gốc 1.800.000.000đ và lãi 2.932.109.300đ bà đồng ý, nhưng trả trong khoảng tài sản bà và ông H đã thế chấp, ngoài ra bà xin được ở lại căn nhà xây cất trên phần đất thế chấp, đề nghị Ngân hàng xem xét.

Từ những nhận định trên xét thấy: Ngân hàng A – Chi nhánh Đồng Tháp yêu cầu ông H, chủ DNTN Q trả số tiền nợ gốc 1.800.000.000đ và lãi 2.932.109.000đ, tổng cộng 4.732.109.000đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, Ngân hàng yêu cầu trong trường hợp Doanh nghiệp tư nhân Q không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp là toàn bộ máy móc theo hóa đơn GTGT 0066188 ngày 08/9/2008, Hóa đơn bán hàng số 0001574 ngày 30/6/2008 tại số 915A, ấp M, xã N, huyện T, Đồng Tháp. Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình số 878723006400201, hồ sơ gốc số 58/QĐ – UBND, do UBND huyện T, tỉnh Đồng

Tháp cấp ngày 11/8/2008, của Hợp đồng thế chấp số 301/TC/NT – ĐT ngày 12/9/2008. Giấy chứng nhận quyền sử dụng số AL 810712, do UBND huyện T cấp ngày 09/11/2008; giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 878723006400303 do UBND huyện T cấp ngày 11/11/2008, của Hợp đồng thế chấp số 231/TC/NT-ĐT ngày 20/5/2008.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 231/TC/NT-ĐT ngày 20/5/2008 có công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Đồng Tháp được ký kết giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Duy B, Nguyễn Thái K, Nguyễn Thị Hồng G với bên nhận thế chấp là Ngân hàng A – Chi nhánh Đồng Tháp; căn cứ Hợp đồng thế chấp tài sản số 301/TC/NT – ĐT ngày 12/9/2008 công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Đồng Tháp được ký kết giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn H và bên nhận thế chấp là Ngân hàng A – Chi nhánh Đồng Tháp, cho thấy các bên ký kết với nhau trên cơ sở tự nguyện, hợp đồng được lập thành văn bản, được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Đồng Tháp, vậy nên việc thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất nêu trên là hợp pháp theo quy định tại Điều 342, 343 Bộ luật dân sự 2005.

Như vậy, tài sản thế chấp cho khoản vay của ông Nguyễn Văn H, chủ DNTN Q đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại hợp đồng thế chấp và quy định tại Điều 342 Bộ luật dân sự 2005. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp tài sản đã ký giữa các bên cũng như quy định tại Điều 351 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 43 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên có căn cứ để được chấp nhận. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn H, chủ Doanh nghiệp tư nhân Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu các cơ quan chức năng thực hiện xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 721 Bộ luật dân sự 2005 và toàn bộ nhà xưởng, máy móc trang thiết bị theo hóa đơn GTGT 0066188 ngày 08/9/2008 và hóa đơn bán hàng số 0001574 ngày 30/6/2008.

[3]. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A – Chi nhánh Đồng Tháp nên ông H, bà N, anh B, anh K và chị G phải nộp 112.732.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 290, 342, 343, 474 và Điều 721 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A – Chi nhánh Đồng Tháp.

Buộc ông Nguyễn Văn H, chủ DNTN Q và bà N, anh B, anh K và chị G trả cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 111/2008/NTĐT – TH ngày 20/5/2008, trong đó nợ gốc 1.400.000.000đ và nợ lãi trong hạn và quá hạn là 2.340.130.970đ, tổng cộng 3.740.130.970đ (Ba tỷ bảy trăm bốn mươi triệu một trăm ba mươi nghìn chín trăm bảy mươi đồng). Ông H trả cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 155/155/2008/NTĐT/HM, ngày 12/9/2008, trong đó nợ gốc là 300.000.000đ và nợ lãi trong hạn và quá hạn là 445.071.000đ, tổng cộng 745.071.249đ, theo hợp đồng số 188/2008/NTĐT/HM, ngày 01/12/2009 trong đó: nợ gốc là 100.000.000đ và nợ lãi trong hạn và quá hạn là 146.907.081đ.

Đình chỉ một phần yêu cầu của Ngân hàng A – Chi nhánh Đồng Tháp đối với số tiền lãi 227.556.681đ (Hai trăm hai mươi bảy triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm tám mươi một đồng).

Sau khi ông Nguyễn Văn H, chủ Doanh nghiệp tư nhân Q, bà N, anh B, anh K và chị G thanh toán toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi nêu trên cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có nghĩa vụ hoàn trả bản chính các giấy tờ của tài sản thế chấp gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng số AL 810712, do UBND huyện Tháp Mười cấp ngày 09/11/2008; giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 878723006400303 do UBND huyện Tháp Mười cấp ngày 11/11/2008, của Hợp đồng thế chấp số 231/TC/NT-ĐT ngày 20/5/2008 và toàn bộ hóa đơn GTGT 0066188 ngày 08/9/2008, Hóa đơn bán hàng số 0001574 ngày 30/6/2008 cho ông H theo hợp đồng thế chấp số 301 ngày 12/9/2008.

Số tiền vốn chưa thi hành thì phải chịu lãi suất tiếp theo (từ ngày 17/12/2018), theo hợp đồng tín dụng số 155/2008/NTDT/HM ngày 20/5/2008; Hợp đồng số 111/2008/ NTDT/HM ngày 12/9/2008 và hợp đồng số 188/2009/NTDT/HM ngày 01/12/2009 của Ngân hàng A – Chi nhánh Đồng Tháp.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn H, chủ DNTN Q và bà N, anh B, anh K và chị G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng số AL 810712, do UBND huyện T cấp ngày 09/11/2008; giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 878723006400303 do UBND huyện T cấp ngày 11/11/2008, của Hợp đồng thế chấp số 231/TC/NT-ĐT ngày 20/5/2008 và toàn bộ tài sản máy móc trang thiết bị theo hóa đơn số GTGT 0066188 ngày 08/9/2008 và hóa đơn bán hàng số 0001574 ngày 30/6/2008 của hợp đồng thế chấp số 301 ngày 12/9/2008 để đảm bảo thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn H, chủ DNTN Q và bà N, anh B, anh K và chị G nộp 112.732.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh Đồng Tháp được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp 63.120.000đ theo 02 lai thu số 06901 đề ngày 13/10/2016 và biên lai thu số 14825 ngày 05/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

3. Quyền kháng cáo: Ngân hàng A – Chi nhánh Đồng Tháp và bà N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông

H, anh B, anh K và chị G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi các đương sự này cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh, Huyện;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- THA dân sự huyện;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA (Oanh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Kim oanh